

Số:

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO

Công khai các điều kiện triển khai hoạt động giáo dục năm học 2026-2027

(Thực hiện theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024)

I. Thông tin khái quát về nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên

1. Tên cơ sở giáo dục: trường THPT A Phủ Lý, Phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình

2. Địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, thư điện tử, cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình

- Điện thoại: 02263858258

- Thư điện tử: c3phulya.hanam@moet.edu.vn

- Cổng thông tin điện tử: <https://thtaphuly.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường THPT công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu giáo dục

- Sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập kỷ cương, nề nếp, thân thiện, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực và tư duy sáng tạo.

- Tầm nhìn: Đến năm 2035, nhà trường phấn đấu trở thành một trong những trường THPT có chất lượng giáo dục toàn diện tốt của tỉnh; là môi trường giáo dục nơi cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh luôn cảm thấy hài lòng, yên tâm công tác, học tập, sẵn sàng cống hiến và không ngừng khát vọng vươn lên.

- Mục tiêu giáo dục:

+ Mục tiêu tổng quát: Xây dựng nhà trường có uy tín về kỷ cương trường lớp, về chất lượng đội ngũ và chất lượng giáo dục cao, xứng tầm với tiến trình phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và địa phương, đảm bảo được tính thực chất của hệ thống các giá trị cơ bản của nhà trường.

+ Mục tiêu cụ thể:

* Học sinh có thái độ, động cơ học tập tích cực, đúng đắn; có kỹ năng sống cơ bản, giao tiếp văn hóa, tự nguyện tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Bồi dưỡng, phát triển học sinh năng khiếu, tổ chức các câu lạc bộ để phát huy năng lực, phẩm chất của học sinh.

* Kết quả giáo dục cuối năm học:

Rèn luyện: 99,5% học sinh đạt loại Tốt, Khá

Học tập: Tỷ lệ lên lớp thẳng 98% trở lên. 100% học sinh khối 12 đủ điều kiện dự thi và đỗ tốt nghiệp, trong đó có khoảng 85% học sinh đỗ đại học. Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT thuộc top 45 của tỉnh.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THPT A Phủ Lý được thành lập năm 1997; Trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần I năm 2012; công nhận lại năm 2018 và năm 2024.

Trường ổn định với quy mô 31 lớp gồm 10 lớp 10, 10 lớp 11; 11 lớp 12;

Tổng số học sinh năm học 2025-2026 là 1305 học sinh; trong đó: lớp 10: 400 HS, lớp 11: 435 HS, lớp 12: 470 HS; đảm bảo trung bình 42 học sinh/lớp.

Cơ sở vật chất của nhà trường: Diện tích nhà trường 34.376 m²; có tổng số 40 phòng học (trong đó có 31 phòng học văn hóa đủ cho 31 lớp học, 06 phòng học bộ môn; 01 phòng thư viện). Nhà trường có 01 nhà tập đa năng, 01 khu điều hành, các công trình phụ trợ, đủ đáp ứng tiêu chuẩn của một trường chuẩn Quốc gia. Trang thiết bị dạy học tương đối đầy đủ, thường xuyên được sửa chữa mua sắm bổ sung đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục của nhà trường.

6. Số liệu cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng CDNN			Chuẩn nghề nghiệp			
			Ths	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	CD
	Tổng số giáo viên, CBQL	72	31	41				65	7		31	41	0	0
I	GV	69	29	40				63	6		28	41	0	0
1	Ngữ văn	10	2	8				9	1		5	5	0	0
2	Lịch sử	4	2	2				4			3	1	0	0
3	Địa lí	4	1	3				4			2	2	0	0
4	GDKT & PL	2		2				2				2	0	0
5	GDTC	4	2	2				4			2	2	0	0
6	GDQP AN	2		2				2			0	2	0	0
7	Ngoại ngữ	10	6	2				8	2		3	7	0	0

8	Toán	10	4	6				10			2	8	0	0
9	Tin học	2		2				2			2	0	0	0
10	Vật lí	8	5	2				8			3	5	0	0
11	Hóa học	6	5					5	1		3	3	0	0
12	Sinh học	5	2	3				3	2		3	2	0	0
13	Công nghệ	2		2				2			0	2	0	0
II	Cán bộ quản lý	3	2	1							3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1	1								1	0	0	
2	Phó hiệu trưởng	2	1	1							2	0	0	
III	Nhân viên													
1	Nhân viên văn thư	1		1										
2	Nhân viên kế toán	1		1										
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1				1								
5	Nhân viên thư viện	1		1										
6	Nhân viên HC	1					1							

7	Nhân viên Bảo vệ	3					3							
---	------------------	---	--	--	--	--	---	--	--	--	--	--	--	--

II. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung

- Diện tích khuôn viên: 34.376 m².

- Số điểm trường: 01 điểm trường

- Mô tả chi tiết hiện trạng các hạng mục công trình hiện có:

+ Khối phòng học tập: Nhà trường hiện có 31 phòng học được chia thành 3 dãy nhà N1, N2, N3 với tổng diện tích 3.388 m². Có 7 phòng bộ môn trong đó có 02 phòng Tin học thực hành, 02 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Vật lý, 01 phòng Hoá học, 01 phòng Sinh học. Mỗi phòng bộ môn có diện tích 90m², đáp ứng tốt yêu cầu dạy học trong nhà trường.

+ Khối phòng hỗ trợ học tập: Có 01 phòng thư viện, 01 phòng tâm lý học đường, 01 phòng Đoàn thanh niên, 01 phòng truyền thống (đều đáp ứng các yêu cầu theo quy định)

+ Khối phụ trợ: có 01 phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, có 01 phòng y tế phục vụ chăm sóc sức khoẻ cho CB, GV, NV và học sinh nhà trường (cơ bản đáp ứng theo quy định)

+ Khối hành chính quản trị: Có 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán, 01 phòng Công đoàn, 01 phòng văn thư, 01 phòng bảo vệ (đều đáp ứng yêu cầu)

+ Khu sân chơi, thể dục thể thao:

- Sân trường có diện tích: 25.383 m²

- Nhà đa năng có diện tích: 580 m²

Đáp ứng tốt yêu cầu

+ Khu vệ sinh và khu để xe:

- Vệ sinh giáo viên: có 4 phòng vệ sinh (2 nam, 2 nữ)

- Vệ sinh học sinh: Có 16 phòng vệ sinh (8 nam, 8 nữ)

- Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: 100m²

- Nhà để xe học sinh: Có 3 khu, đảm bảo sức chứa cho 1.400 xe

+ Hạ tầng kỹ thuật: Nhà trường có hệ thống cấp nước sạch, có hệ thống thoát nước xung quanh đảm bảo an toàn, không bị ngập úng, có hệ thống điện chiếu sáng xung quanh

trường, hiện tại nhà trường chưa có hệ thống phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo tiêu chuẩn.

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m²/học sinh/lớp
I	Số phòng học	31	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	31	
2	Phòng học bán kiên cố	0	Không có
3	Phòng học tạm	0	Không có
4	Phòng học nhờ	0	Không có
5	Số phòng học bộ môn (tính cả phòng TN-TH)	07	
6	Số phòng đa chức năng	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	01	
8	Bình quân học sinh/lớp		
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	34.376	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	4.823	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	90	
3	Diện tích phòng thiết bị (m ²)		
3	Diện tích thư viện (m ²)	90	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	561,6	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	Số bộ/lớp	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m²/học sinh/lớp
	(Đơn vị tính: bộ)		
1	Khối lớp 10	01	
2	Khối lớp 11	01	
3	Khối lớp 12	01	
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)	Không có	-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	60	Số học sinh/bộ/phòng
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	07	
2	Cát xét	22	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	31	
5	Thiết bị khác... (bảng thông minh)		
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh (dùng chung)
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	09
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0
	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân số m ² /học sinh/lớp
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

III. Về Tài chính

- Kinh phí Ngân sách

Nhà trường được Sở giáo dục và Đào tạo cấp kinh phí chi năm 2026 theo Quyết định số 1838/QĐ-SGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Sở GD&ĐT Tỉnh Ninh Bình phân bổ, giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Các khoản thu hỗ trợ, phục vụ:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 37/SGDĐT-TC ngày 08/01/2026 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào các Biên bản họp: Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên; Ban đại diện cha mẹ học sinh trường; Cha mẹ học sinh các lớp về các khoản thu các danh mục thu và mức thu giữa nhà trường và cha mẹ học sinh thực hiện khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ II năm học 2025 -2026;

Trường THPT A Phủ Lý đã triển khai các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ II năm học 2025 -2026 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Thời gian thu theo tháng, học kỳ, năm học
1	Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh (cơ sở Giáo dục THPT)	Học sinh/tháng	10.000	Thu theo học kỳ
2	Dịch vụ trông giữ phương tiện cho học sinh			
	+ Xe đạp, xe đạp điện	Học sinh/	Miễn	

		tháng		
	+ Xe máy, xe máy điện	Học sinh/ tháng	10.000	Thu theo học kỳ
3	Dịch vụ nước uống	Học sinh/tháng	5.000	Thu theo học kỳ

IV. Về tổ chức các hoạt động giáo dục

+ Các kỳ thi nhà trường tham gia

- Thi học sinh giỏi cấp tỉnh THPT&GDTX;
- Thi Khoa học kỹ thuật, STEM cho học sinh THPT;

+ Tổ chức dạy thêm, học thêm trong nhà trường: Theo công văn hướng dẫn của UBND Tỉnh và Sở GD&ĐT, có xem xét theo nguyện vọng của CMHS và học sinh theo đặc thù của từng năm học.

Song song với việc tập trung dạy kiến thức khoa học, nhà trường dành thời gian phù hợp cho các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, trải nghiệm hướng nghiệp, rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng hoạt động xã hội cho HS thông qua các câu lạc bộ, các dự án học tập, các đề tài nghiên cứu khoa học.

Cung cấp kiến thức lí thuyết đi đôi với tạo môi trường cho HS thực hành, thực nghiệm; dạy kiến thức không tách rời việc dạy nhân cách là định hướng giáo dục vừa tập trung, vừa toàn diện của nhà trường.

Đổi mới công tác quản trị nhà trường, quản lí học sinh; đổi mới phương pháp dạy học để xây dựng một môi trường học tập hiện đại, tiện nghi, thân thiện và nhân văn; tạo môi trường giáo dục mở, khuyến khích phát triển óc sáng tạo, khả năng suy luận, năng lực tư duy, phản biện, hoạt động tự chủ và độc lập của học sinh, nhằm đào tạo những công dân tương lai phát triển toàn diện: mạnh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực, có lối sống đạo đức lành mạnh, có kỹ năng sống, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội, có khả năng thích ứng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế của đất nước là mục tiêu mà nhà trường luôn hướng tới.

V. Công khai thông tin kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện	1332	K12	K11	K10

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	99,55	100	99,36	99,30
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0,45	0	0,64	0,70
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1332			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	94,14	99,77	94,86	87,70
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5,86	0,23	5,14	12,30
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100
1.1	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	94,14	99,77	94,86	87,70
1.2	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, các cuộc thi, hội thi, ...				

TT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp
1	- Kỳ thi chọn HSG lớp 12 THPT &GDTX cấp tỉnh năm học 2025-2026:	33	03 giải nhất + 05 giải nhì + 14 giải 3 + 11 giải Khuyến khích
2	- Đại hội thể thao ngành giáo dục lần thứ nhất năm 2026:	12	01 giải nhất + 02 giải ba + 09 giải khuyến khích (xếp thứ 2 toàn đoàn)
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	100 %	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	100 %	
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	85%	
VII I	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	85%	
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ		
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG**Lương Văn Dương**